

Bản án số: 131 /2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2024

V/v: “ *Tranh chấp ly hôn* ”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE**

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Mộng Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Võ Thị Hiền.

Ông Nguyễn Hồng Vân

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Ka Phu – Thư ký Tòa án

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân sơ thẩm thụ lý số: 331/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2024 về việc “*Tranh chấp ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1997;

ĐKTT: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre;

Nơi ở hiện nay: khu phố A, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* Anh Trần Văn K, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp T, xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre.

(Nguyên đơn chị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, bị đơn anh K vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08 tháng 5 năm 2024 nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Trần Văn K cưới nhau vào năm 2015 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 02/11/2015. Sau

khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn nên dần làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt trầm trọng không thể hàn gắn được, mặc dù gia đình hai bên có khuyên nhủ, hòa giải. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2024 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Văn K.

Về con chung: Chị và anh K chung sống với nhau có 01 con chung là Trần Thị Ái T1, sinh ngày 17/7/2015, hiện con chung đang sống với anh Trần Văn K. Khi ly hôn, con chung muốn sống với ai thì theo nguyện vọng của con chung, không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 16 tháng 8 năm 2024 bị đơn anh Trần Văn K có ý kiến là thống nhất theo như nội dung trình bày trong đơn khởi kiện của chị T, nay chị T xin ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị T. Về con chung có 01 con chung là Trần Thị Ái T1, sinh ngày 17/7/2015, hiện con chung đang sống với anh nên anh xin tiếp tục nuôi dưỡng con chung và anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: không có. Do bận công việc làm ăn ở xa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết xét xử vắng mặt anh.

Tại biên bản lấy ý kiến con chung ngày 19/8/2024 đối với con chung Trần Thị Ái T1 có nguyện vọng là xin được tiếp tục sống chung với cha là Trần Văn K.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa thấy rằng Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng; thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan, độc lập khi xét xử; các đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Do đó, vụ án được đưa ra xét xử là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung:

Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Trần Văn K. Về con chung: có 01 con chung là Trần Thị Ái T1, sinh ngày 17/7/2015, hiện nay sống với anh K. Khi ly hôn, anh K xin nuôi con, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung, phù hợp theo nguyện vọng của cháu T1 nên đề nghị để con chung cho anh K nuôi dưỡng, ghi nhận anh K tự nguyện không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung, nợ chung không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Trần Văn K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 02/11/2015. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xảy ra nhiều mâu thuẫn nên dần làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt trầm trọng không thể hàn gắn được, mặc dù gia đình hai bên có khuyên nhủ, hòa giải. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 5/2024 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn nên chị T nộp đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh K và anh K có lời khai đồng ý ly hôn với chị T. Do đó, Hội đồng xét xử thấy rằng tình trạng hôn nhân của chị T và anh K đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: có 01 con chung là Trần Thị Ái T1, sinh ngày 17/7/2015, hiện nay sống với anh K. Khi ly hôn, anh K xin nuôi con, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung, phù hợp theo nguyện vọng của cháu T1 và chị T cũng đồng ý theo nguyện vọng của con chung nên yêu cầu xin nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con của anh K là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét .

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), nguyên đơn chị T phải nộp theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 27, Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 Luật tố tụng Dân sự; các Điều 56, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T đối với anh Trần Văn K.

2. Về con chung: Anh Trần Văn K được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Trần Thị Ái T1, sinh ngày 17/7/2015. Ghi nhận sự tự nguyện của anh K không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Trường hợp chị T lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con. Vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0002433 ngày 08/8/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri. Chị T đã nộp xong án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn, bị đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- Chi cục THADS huyện Ba Tri;
- UBND xã Bảo Thuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Mộng Tuyền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Xuân Trường Trịnh Thị Hồng T2

Nguyễn Duy L